

Số: 1-1166/taya-vn-gt

Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước

Sở Giao Dịch Chứng Khoán Tp. HCM

(Giải trình BCTC kiểm toán bán niên năm 2016–Trụ sở chính)

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam giải trình Báo cáo tài chính bán niên kiểm toán (trụ sở chính) năm 2016 chênh lệch số liệu so với báo cáo quý 2/2016 công ty tự quyết như sau:

1. So sánh chênh lệch số liệu:

DVT: VNĐ

| Nội dung | Số liệu kiểm toán | Số liệu tự quyết | Tăng/giảm so với kiểm toán |
|---------------------------------------------------|-------------------|------------------|----------------------------|
| Bảng cân đối kế toán | | | |
| Phải thu ngắn hạn khách hàng(131) | 140.725.057.618 | 170.250.198.132 | -29.525.140.514 |
| Phải thu nội bộ ngắn hạn(133) | 0 | 621.311.075 | -621.311.075 |
| Tài sản thuế TNDN hoãn lại(262) | 825.230.454 | 1.085.371.666 | -260.141.212 |
| Người mua trả tiền trước(312) | 5.336.075.275 | 35.482.526.864 | -30.146.451.589 |
| Quỹ đầu tư và phát triển | 37.739.024.524 | 28.364.116.167 | 9.374.908.357 |
| Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 36.939.422.502 | 46.314.330.859 | -9.374.908.357 |
| Lợi nhuận chưa phân phối kỳ này (421b) | 31.105.692.970 | 31.365.834.182 | -260.141.212 |

2. Giải trình cụ thể:

Bảng cân đối kế toán

- So sánh bảng chênh lệch số liệu trên cho thấy đơn vị kiểm toán thay đổi số liệu Phải thu nội bộ ngắn hạn(133) 621.311.075VNĐ do công ty tự quyết, điều chỉnh Phải thu ngắn hạn khách hàng(131) giảm 29.525.140.514VNĐ, điều chỉnh Người mua trả tiền trước(312) giảm 30.146.451.589VNĐ.
(30.146.451.589VNĐ =29.525.140.514VNĐ +621.311.075VNĐ)
- Kiểm toán điều chỉnh Tài sản thuế TNDN hoãn lại(262) giảm 260.141.212VNĐ, Lợi nhuận chưa phân phối kỳ này (421b) giảm 260.141.212VNĐ. Điều chỉnh Quỹ đầu tư và phát triển tăng 9.374.908.357VNĐ, điều chỉnh Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước giảm 9.374.908.357VNĐ.

Do điều chỉnh và phân loại lại các số liệu nêu trên đã ảnh hưởng làm thay đổi các số liệu khác

trong Bảng cân đối kế toán.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

- Đơn vị kiểm toán điều chỉnh Doanh thu hoạt động tài chính tăng 1.292.436.681VNĐ ảnh hưởng tăng Chi phí tài chính 1.292.436.681VNĐ. Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại ảnh hưởng Lợi nhuận sau thuế giảm 260.141.212VNĐ ◦

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

- Theo ý kiến của đơn vị kiểm toán do ảnh hưởng bởi những điều chỉnh và thay đổi số liệu nêu trên, một vài số liệu tại Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cũng được điều chỉnh, phân loại và trình bày lại nhưng không làm thay đổi số dư cuối kỳ.

Trân trọng và kính chào!

Đồng Nai, ngày 11 tháng 08 năm 2016

Tổng giám đốc



Wang Ting Shu

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya
(Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai**

Báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thông tin về Công ty

| | | |
|----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Giấy phép đầu tư số | 414/GP 414/GPĐC 414/GPĐC1 414/GPĐC2 414/GPĐC3 414/GPĐC4 414/CPH/GP 414/CPH/GCNĐC1-BKH do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp | ngày 7 tháng 9 năm 1992 ngày 14 tháng 2 năm 1995 ngày 31 tháng 10 năm 1995 ngày 9 tháng 1 năm 1996 ngày 30 tháng 7 năm 1997 ngày 19 tháng 9 năm 1997 ngày 7 tháng 10 năm 2005 ngày 25 tháng 10 năm 2006 |
| | 414/GPĐC1-BKH-KCN-ĐN 414/GPĐC2-BKH-KCN-ĐN 414/GPĐC3-BKH-KCN-ĐN 414/GCNĐC2/47/2 472033000584 472033000584 472033000584 472033000584 472033000584 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh Đồng Nai cấp | ngày 16 tháng 5 năm 2003 ngày 23 tháng 6 năm 2003 ngày 7 tháng 5 năm 2004 ngày 6 tháng 9 năm 2007 ngày 11 tháng 7 năm 2008 ngày 18 tháng 12 năm 2008 ngày 30 tháng 8 năm 2010 ngày 29 tháng 11 năm 2011 ngày 13 tháng 5 năm 2013 |
| | Giấy phép đầu tư có giá trị trong 50 năm kể từ ngày cấp giấy phép đầu tư đầu tiên. | |
| Hội đồng Quản trị | Ông Shen Shang Pang Ông Shen Shang Tao Ông Shen Shang Hung Ông Shen San Yi Ông Wang Ting Shu Ông Tsai Chung Cheng Ông Tu Ting Jui | Chủ tịch Phó Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên |
| Ban Giám đốc | Ông Wang Ting Shu Ông Chen Chung Kuang | Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc |
| Trụ sở đăng ký | | |
| Trụ sở chính | Khu Công nghiệp Biên Hòa II Tỉnh Đồng Nai Việt Nam | |
| Chi nhánh | Xã Cẩm Điền Huyện Cẩm Giàng Tỉnh Hải Dương Việt Nam | |
| Công ty kiểm toán | Công ty TNHH KPMG Việt Nam | |

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai (“Trụ sở chính”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Trụ sở chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Ban Giám đốc Trụ sở chính chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Trụ sở chính:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 31 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Trụ sở chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Trụ sở chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc cho rằng Trụ sở chính sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.



Wang Ting Shu
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 10 tháng 8 năm 2016



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai (“Trụ sở chính”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Trụ sở chính phê duyệt phát hành vào ngày 10 tháng 8 năm 2016, được trình bày từ trang 5 đến trang 31.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Trụ sở chính chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Trụ sở chính liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Trụ sở chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Trụ sở chính, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 16-01-413



Chang Hung Chun

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0863-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Đặng Trung Hoàn

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 2235-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2016

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 30/6/2016 VND | 1/1/2016 VND |
|----------------------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| TÀI SẢN | | | | |
| Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150) | 100 | | 483.232.758.921 | 477.545.612.971 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 4 | 177.467.322.921 | 143.590.509.089 |
| Tiền | 111 | | 57.467.322.921 | 43.590.509.089 |
| Các khoản tương đương tiền | 112 | | 120.000.000.000 | 100.000.000.000 |
| Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 144.340.853.386 | 153.114.892.466 |
| Phải thu của khách hàng | 131 | 5 | 140.725.057.618 | 151.426.063.555 |
| Trả trước cho người bán | 132 | | 3.984.943.420 | 2.229.684.900 |
| Phải thu ngắn hạn khác | 136 | | 819.930.560 | 648.222.223 |
| Dự phòng các khoản phải thu khó đòi | 137 | | (1.189.078.212) | (1.189.078.212) |
| Hàng tồn kho | 140 | 6 | 153.741.235.359 | 160.777.919.590 |
| Hàng tồn kho | 141 | | 154.143.532.528 | 161.626.450.657 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | (402.297.169) | (848.531.067) |
| Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 7.683.347.255 | 20.062.291.826 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | 11(a) | 1.702.452.031 | 1.168.881.316 |
| Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | 14(b) | 5.734.104.592 | 18.671.628.106 |
| Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | 246.790.632 | 221.782.404 |
| Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 260) | 200 | | 185.772.633.980 | 189.007.192.555 |
| Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 122.801.647.437 | 122.801.647.437 |
| Vốn kinh doanh giao cho chi nhánh | 213 | 7 | 122.801.647.437 | 122.801.647.437 |
| Tài sản cố định | 220 | | 56.445.746.500 | 55.205.551.974 |
| Tài sản cố định hữu hình | 221 | 8 | 56.313.446.500 | 55.016.551.974 |
| Nguyên giá | 222 | | 295.727.074.084 | 288.327.092.271 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (239.413.627.584) | (233.310.540.297) |
| Tài sản cố định vô hình | 227 | 9 | 132.300.000 | 189.000.000 |
| Nguyên giá | 228 | | 567.000.000 | 567.000.000 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (434.700.000) | (378.000.000) |
| Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 3.002.771.390 | 7.463.686.491 |
| Xây dựng cơ bản dở dang | 242 | 10 | 3.002.771.390 | 7.463.686.491 |
| Tài sản dài hạn khác | 260 | | 3.522.468.653 | 3.536.306.653 |
| Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 11(b) | 2.697.238.199 | 2.450.934.987 |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | 12 | 825.230.454 | 1.085.371.666 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200) | 270 | | 669.005.392.901 | 666.552.805.526 |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này


Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 30/6/2016 VND | 1/1/2016 VND |
|------------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| NGUỒN VỐN | | | | |
| NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310) | 300 | | 284.480.322.268 | 311.539.693.443 |
| Nợ ngắn hạn | 310 | | 284.480.322.268 | 311.539.693.443 |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 13 | 105.013.865.738 | 136.051.259.525 |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | 5.336.075.275 | 2.239.809.501 |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 14(a) | 3.752.136.895 | 5.156.696.871 |
| Phải trả người lao động | 314 | | 3.607.046.574 | 4.602.247.600 |
| Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | | 548.823.207 | 712.171.121 |
| Phải trả ngắn hạn khác | 319 | | 160.374.579 | 77.508.825 |
| Vay ngắn hạn | 320 | 15 | 166.062.000.000 | 162.700.000.000 |
| VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410) | 400 | | 384.525.070.633 | 355.013.112.083 |
| Vốn chủ sở hữu | 410 | 16 | 384.525.070.633 | 355.013.112.083 |
| Vốn cổ phần | 411 | 17 | 279.013.770.637 | 279.013.770.637 |
| Cổ phiếu quỹ | 415 | 17 | (272.840.000) | (272.840.000) |
| Quỹ đầu tư phát triển | 418 | 19 | 37.739.024.524 | 28.364.116.167 |
| Lợi nhuận chưa phân phối | 421 | | 68.045.115.472 | 47.908.065.279 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | 36.939.422.502 | 3.200.410.723 |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 31.105.692.970 | 44.707.654.556 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400) | 440 | | 669.005.392.901 | 666.552.805.526 |

Ngày 10 tháng 8 năm 2016

Người lập:


 Sung Hsiang Lin
 Kế toán trưởng

Người duyệt:

 Wang Ting Shu
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này


Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 02a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | Từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND | Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 VND Đã phân loại lại |
|----------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|-------------------------------|---------------------------------------------------|
| Doanh thu bán hàng | 01 | 21 | 484.418.745.810 | 469.100.092.746 |
| Giá vốn hàng bán | 11 | 22 | 429.848.542.467 | 427.874.395.582 |
| Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11) | 20 | | 54.570.203.343 | 41.225.697.164 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 23 | 5.755.594.896 | 4.036.609.989 |
| Chi phí tài chính | 22 | 24 | 3.978.554.668 | 7.849.872.474 |
| <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i> | 23 | | <i>2.494.669.697</i> | <i>1.735.730.301</i> |
| Chi phí bán hàng | 25 | | 8.785.205.254 | 7.637.621.174 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | | 9.950.094.344 | 8.782.274.239 |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)} | 30 | | 37.611.943.973 | 20.992.539.266 |
| Thu nhập khác | 31 | 25 | 16.200.864 | 358.130 |
| Chi phí khác | 32 | | 1.556.826 | 762.521 |
| Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32) | 40 | | 14.644.038 | (404.391) |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) | 50 | | 37.626.588.011 | 20.992.134.875 |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 27 | 6.260.753.829 | 3.338.091.710 |
| Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | 27 | 260.141.212 | 427.792.715 |
| Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) | 60 | | 31.105.692.970 | 17.226.250.450 |

Ngày 10 tháng 8 năm 2016

Người lập:


 Sung Hsiang Lin
 Kế toán trưởng


 Người duyệt:

 Wang Ting Shu
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | Từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND | Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 VND |
|-------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|-------------------------------------|-------------------------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | | |
| Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 37.626.588.011 | 20.992.134.875 |
| Điều chỉnh cho các khoản | | | | |
| Khấu hao và phân bổ | 02 | | 6.723.770.500 | 6.884.251.100 |
| Các khoản dự phòng | 03 | | (446.233.898) | (159.956.779) |
| (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | | (1.467.480.393) | 2.786.725.498 |
| Lãi từ hoạt động đầu tư | 05 | | (3.198.620.304) | (2.877.717.329) |
| Chi phí lãi vay | 06 | | 2.494.669.697 | 1.735.730.301 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động | 08 | | 41.732.693.613 | 29.361.167.666 |
| Biến động các khoản phải thu | 09 | | 21.739.437.606 | 9.265.799.909 |
| Biến động hàng tồn kho | 10 | | 7.482.918.129 | (15.384.719.119) |
| Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác | 11 | | (28.923.746.816) | 50.235.048.614 |
| Biến động chi phí trả trước | 12 | | (779.873.927) | (751.465.542) |
| | | | 41.251.428.605 | 72.725.831.528 |
| Tiền lãi vay đã trả | 14 | | (2.550.714.827) | (1.791.975.299) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | | (7.359.235.905) | (3.708.957.155) |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | | (1.593.734.420) | (1.157.786.164) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh | 20 | | 29.747.743.453 | 66.067.112.910 |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | | |
| Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác | 21 | | (3.503.049.925) | (1.027.181.800) |
| Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác | 22 | | 15.500.000 | - |
| Tiền thu lãi tiền gửi | 27 | | 3.183.120.304 | 2.758.995.107 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư | 30 | | (304.429.621) | 1.731.813.307 |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này


Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | Từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND | Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 VND |
|------------------------------------------------------------------|--------------|--------------------|--------------------------------------|--------------------------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | | |
| Tiền thu từ đi vay | 33 | | 148.528.000.000 | 119.948.704.750 |
| Tiền trả nợ gốc vay | 34 | | (144.094.500.000) | (137.586.804.750) |
| Tiền trả cổ tức | 36 | | - | (10.392.915.943) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính | 40 | | 4.433.500.000 | (28.031.015.943) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40) | 50 | | 33.876.813.832 | 39.767.910.274 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ | 60 | | 143.590.509.089 | 124.185.242.794 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60) | 70 | 4 | 177.467.322.921 | 163.953.153.068 |

Ngày 10 tháng 8 năm 2016

Người lập:


 Sung Hsiang Lin
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất, bán và phân phối các loại dây điện, cáp, động cơ và máy bơm cho thị trường Việt Nam và nước ngoài.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Khu Công nghiệp Biên Hòa II, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam (“Trụ sở chính”). Vào ngày 16 tháng 5 năm 2003, Công ty đã thành lập Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Chi nhánh Hải Dương (“Chi nhánh”), bắt đầu hoạt động vào tháng 1 năm 2005, tại Xã Cẩm Điền, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam theo Giấy phép đầu tư số 414/GPĐC1-BKH-ĐN do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh Đồng Nai cấp.

Tại ngày 30 tháng 12 năm 2016, Trụ sở chính có 296 nhân viên (1/1/2016: 253 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được Trụ sở chính lập và không bao gồm các báo cáo tài chính của Chi nhánh. Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) lập báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 cho Công ty (bao gồm Chi nhánh) và cần được đọc đồng thời cùng với báo cáo tài chính đính kèm.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Trụ sở chính từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Trụ sở chính là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Trụ sở chính áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

(a) Ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản/bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Trụ sở chính áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

| | |
|--------------------------|------------|
| ▪ nhà xưởng và cấu trúc | 7 – 35 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị | 5 – 10 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 6 năm |
| ▪ trang bị văn phòng | 5 – 8 năm |
| ▪ tài sản khác | 2 – 7 năm |

(f) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

(g) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí máy móc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình lắp đặt.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(h) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Phí hội viên câu lạc bộ gôn

Phí hội viên câu lạc bộ gôn được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 37 đến 40 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Trụ sở chính nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(i) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(j) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Trụ sở chính có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(k) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông thể hiện theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(m) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(n) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(o) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(p) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Trụ sở chính tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Trụ sở chính hoạt động chủ yếu trong một bộ phận kinh doanh là sản xuất và bán dây cáp điện và trong một vùng địa lý chủ yếu là Việt Nam.

(q) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Trụ sở chính nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Trụ sở chính và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các bên liên quan bao gồm chi nhánh Hải Dương, các nhà đầu tư, công ty mẹ cấp cao nhất, các công ty con và các công ty liên kết của nhà đầu tư này.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | 30/6/2016 | 1/1/2016 |
|----------------------------|------------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Tiền mặt | 354.118.000 | 333.086.000 |
| Tiền gửi ngân hàng | 57.113.204.921 | 43.257.423.089 |
| Các khoản tương đương tiền | 120.000.000.000 | 100.000.000.000 |
| | 177.467.322.921 | 143.590.509.089 |

5. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

| | 30/6/2016 | 1/1/2016 |
|--------------------------------------------------|------------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Công ty TNHH Điện tử Nec Tokin Việt Nam | 24.777.881.934 | 24.026.750.614 |
| Công ty TNHH Sản Phẩm Tiêu Dùng Toshiba Việt Nam | 20.413.733.363 | 22.102.830.506 |
| Khách hàng khác | 95.533.442.321 | 105.296.482.435 |
| | 140.725.057.618 | 151.426.063.555 |

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

| | 30/6/2016 | 1/1/2016 |
|------------------------------------------------------------|------------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya – Chi nhánh Hải Dương | 559.179.967 | - |

Khoản phải thu thương mại từ chi nhánh Hải Dương không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

6. Hàng tồn kho

| | 30/06/2016 | | 1/1/2016 | |
|-------------------------------------|-------------------|-----------------|-----------------|-----------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND |
| Hàng mua đang đi trên đường | 44.406.611.122 | - | 41.724.215.498 | - |
| Nguyên vật liệu | 22.709.431.202 | - | 25.483.697.570 | - |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 23.807.216.802 | (377.897.946) | 2.570.003.306 | (226.212.489) |
| Thành phẩm | 63.220.273.402 | (24.399.223) | 91.848.534.283 | (622.318.578) |
| | 154.143.532.528 | (402.297.169) | 161.626.450.657 | (848.531.067) |

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 có 1.844 triệu VND (1/1/2016: 17.021 triệu VND) giá trị thành phẩm được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

7. Vốn kinh doanh cấp cho chi nhánh

| | 30/6/2016 | 1/1/2016 |
|--------------------------------------------|------------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Vốn kinh doanh cấp cho chi nhánh Hải Dương | 122.801.647.437 | 122.801.647.437 |

Vốn kinh doanh cấp cho chi nhánh là khoản ứng trước dài hạn cho chi nhánh Hải Dương vào năm 2007 để tài trợ vốn lưu động. Vốn hoạt động kinh doanh này không hưởng lãi và được ghi nhận theo nguyên giá.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Tài sản cố định hữu hình

| | Nhà xưởng và cấu trúc VND | Máy móc và thiết bị VND | Phương tiện vận chuyển VND | Trang bị văn phòng VND | Tài sản khác VND | Tổng cộng VND |
|-------------------------------------------|---------------------------------|-------------------------------|----------------------------------|------------------------------|----------------------|------------------------|
| Nguyên giá | | | | | | |
| Số dư đầu kỳ | 73.784.396.387 | 203.855.544.264 | 4.991.453.929 | 3.206.477.694 | 2.489.219.997 | 288.327.092.271 |
| Tăng trong kỳ | - | 247.909.090 | - | - | - | 247.909.090 |
| Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang | - | 7.716.055.936 | - | - | - | 7.716.055.936 |
| Thanh lý | - | (563.983.213) | - | - | - | (563.983.213) |
| Số dư cuối kỳ | 73.784.396.387 | 211.255.526.077 | 4.991.453.929 | 3.206.477.694 | 2.489.219.997 | 295.727.074.084 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | | |
| Số dư đầu kỳ | 52.492.300.795 | 170.655.437.595 | 4.991.453.929 | 2.973.617.463 | 2.197.730.515 | 233.310.540.297 |
| Khấu hao trong kỳ | 1.322.105.400 | 5.274.708.700 | - | 42.955.200 | 27.301.200 | 6.667.070.500 |
| Thanh lý | - | (563.983.213) | - | - | - | (563.983.213) |
| Số dư cuối kỳ | 53.814.406.195 | 175.366.163.082 | 4.991.453.929 | 3.016.572.663 | 2.225.031.715 | 239.413.627.584 |
| Giá trị còn lại | | | | | | |
| Số dư đầu kỳ | 21.292.095.592 | 33.200.106.669 | - | 232.860.231 | 291.489.482 | 55.016.551.974 |
| Số dư cuối kỳ | 19.969.990.192 | 35.889.362.995 | - | 189.905.031 | 264.188.282 | 56.313.446.500 |

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 có số tài sản có nguyên giá 139.306 triệu VND (1/1/2016: 139.249 triệu), đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Tài sản cố định vô hình

| | Phần mềm vi tính VND |
|-------------------------------|-------------------------------------|
| Nguyên giá | |
| Số dư đầu kỳ/số dư cuối kỳ | 567.000.000 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | |
| Số dư đầu kỳ | 378.000.000 |
| Khấu hao trong kỳ | 56.700.000 |
| | 434.700.000 |
| Giá trị còn lại | |
| Số dư đầu kỳ | 189.000.000 |
| Số dư cuối kỳ | 132.300.000 |

10. Xây dựng cơ bản dở dang

| | Từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND | Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 VND |
|--------------------------------------|----------------------------------------------|----------------------------------------------|
| Số dư đầu kỳ | 7.463.686.491 | 247.765.045 |
| Tăng trong kỳ | 3.255.140.835 | 848.792.453 |
| Chuyển sang tài sản cố định hữu hình | (7.716.055.936) | (1.096.557.498) |
| | 3.002.771.390 | - |
| Số dư cuối kỳ | 3.002.771.390 | - |

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

| | 30/06/2015 VND | 1/1/2016 VND |
|---------------------------------|---------------------------------|-------------------------------|
| Công cụ và dụng cụ | 723.627.352 | 998.208.982 |
| Đồng phục | 373.599.800 | 30.000.000 |
| Bảo hiểm | 179.207.395 | 27.662.234 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn khác | 426.017.484 | 113.010.100 |
| | 1.702.452.031 | 1.168.881.316 |

(b) Chi phí trả trước dài hạn

| | Phí hội viên câu lạc bộ chơi gôn VND | Công cụ và dụng cụ VND | Tổng cộng VND |
|------------------|-----------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|--------------------------------|
| Số dư đầu kỳ | 1.538.606.491 | 912.328.496 | 2.450.934.987 |
| Tăng trong kỳ | - | 648.818.060 | 648.818.060 |
| Phân bổ trong kỳ | (28.424.280) | (374.090.568) | (402.514.848) |
| | 1.510.182.211 | 1.187.055.988 | 2.697.238.199 |

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trên những khoản mục sau:

| | 30/6/2016 VND | 1/1/2016 VND |
|----------------------------------------|--------------------------------|-------------------------------|
| Tài sản cố định | 414.692.154 | 414.692.154 |
| Dự phòng các khoản phải thu khó đòi | 178.361.732 | 178.361.732 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 60.344.575 | 127.279.660 |
| Chi phí phải trả và các khoản dự phòng | 171.831.993 | 365.038.120 |
| | 825.230.454 | 1.085.371.666 |

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

| | 30/6/2016 | | 1/1/2016 | |
|---------------------------------------------------|-----------------|---------------------------------|-----------------|---------------------------------|
| | Giá gốc VND | Số có khả năng trả nợ VND | Giá gốc VND | Số có khả năng trả nợ VND |
| Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd. | 93.683.149.568 | 93.683.149.568 | 122.175.321.585 | 122.175.321.585 |
| Các nhà cung cấp khác | 11.330.716.170 | 11.330.716.170 | 13.875.937.940 | 13.875.937.940 |
| | 105.013.865.738 | 105.013.865.738 | 136.051.259.525 | 136.051.259.525 |

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

| | 30/6/2016 | | 1/1/2016 | |
|------------|----------------|---------------------------------|-----------------|---------------------------------|
| | Giá gốc VND | Số có khả năng trả nợ VND | Giá gốc VND | Số có khả năng trả nợ VND |
| Công ty mẹ | 93.683.149.568 | 93.683.149.568 | 122.175.321.585 | 122.175.321.585 |

Khoản thương mại phải trả đối với công ty mẹ không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 đến 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

(a) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | 1/1/2016 VND | Số phát sinh trong kỳ VND | Số đã nộp trong kỳ VND | Số đã cân trừ trong kỳ VND | 30/6/2016 VND |
|----------------------------|-----------------|---------------------------------|------------------------------|----------------------------------|------------------|
| Thuế | | | | | |
| Thuế giá trị gia tăng | - | 63.307.146.849 | (27.859.535.867) | (35.447.610.982) | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 4.692.484.711 | 6.260.753.829 | (7.359.235.905) | - | 3.594.002.635 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 464.212.160 | 757.559.986 | (1.063.637.886) | - | 158.134.260 |
| | 5.156.696.871 | 70.325.460.664 | (36.282.409.658) | (35.447.610.982) | 3.752.136.895 |

(b) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

| | 1/1/2016 VND | Số phát sinh trong kỳ VND | Số đã được hoàn lại trong kỳ VND | Số đã cân trừ trong kỳ VND | 30/6/2016 VND |
|------------------------------------------------------------|-----------------|---------------------------------|----------------------------------------|----------------------------------|------------------|
| Các khoản thuế đã nộp cho Nhà nước sẽ được hoàn lại | | | | | |
| Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 18.671.628.106 | 41.181.715.574 | (18.671.628.106) | (35.447.610.982) | 5.734.104.592 |

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Vay ngắn hạn

| | 1/1/2016 | | Biến động trong kỳ | | | 30/6/2016 | |
|--------------|-----------------------|---------------------------------|--------------------|-------------------|---------------------|-----------------------|---------------------------------|
| | Giá trị ghi sổ VND | Số có khả năng trả nợ VND | Tăng VND | Giảm VND | Đánh giá lại VND | Giá trị ghi sổ VND | Số có khả năng trả nợ VND |
| Vay ngắn hạn | 162.700.000.000 | 162.700.000.000 | 148.528.000.000 | (144.094.500.000) | (1.071.500.000) | 166.062.000.000 | 166.062.000.000 |

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

| | Hạn mức tín dụng | Lãi suất năm | 30/6/2016 VND | 1/1/2016 VND |
|--------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|---------------------------|------------------|-----------------|
| Ngân hàng Taipei Fubon Bank, Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh (a) | 4.000.000 USD | SIBOR + 1,5% | 10.000.000.000 | 10.000.000.000 |
| Ngân hàng Taipei Fubon Bank, Chi nhánh Annping (b) | 4.000.000 USD | SIBOR + 1,5% | 44.680.000.000 | 58.604.000.000 |
| Ngân hàng Mega International Commercial Bank Co., Ltd, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (a) | 6.200.000 USD | Chi phí huy động vốn + 1% | 27.872.000.000 | - |
| Ngân hàng Thương mại Chinatrust, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (a) | 6.000.000 USD | SIBOR 6 tháng + 1,15% | - | 6.762.000.000 |
| Ngân hàng Hua Nan Commercial Bank Ltd, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (a) | 4.500.000 USD | LIBOR 6 tháng + 1,5316% | 10.000.000.000 | - |
| Ngân hàng TNHH Indovina, Chi nhánh Đồng Nai (b) | 1.500.000 USD | SIBOR 6 tháng + 2% | - | 11.270.000.000 |

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | Hạn mức tín dụng | Lãi suất năm | 30/6/2016 VND | 1/1/2016 VND |
|----------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|-------------------------|
| Ngân hàng Trách nhiệm Hữu Hạn Một thành Viên ANZ Việt Nam (b) | 5.000.000 USD | 0,5% năm trên Chi phí huy động vốn - được quyết định trên mỗi giao dịch | 18.936.000.000 | 18.032.000.000 |
| Ngân hàng SinoPac, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (a) | 3.000.000 USD | USD: SIBOR/Chi phí huy động vốn Chi nhánh HCM + 1,5% VND: Chi phí huy động vốn Chi nhánh HCM + 1,5% | 24.574.000.000 | 18.032.000.000 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, Chi nhánh Đồng Nai (b) | 40.000.000.000 VND | VND: 4,9% năm và có thể được điều chỉnh tùy vào từng giao dịch | 30.000.000.000 | 20.000.000.000 |
| Ngân hàng Hua Nan Commercial Bank Ltd, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (a) | 4.500.000 USD | SIBOR 6 tháng + 2% | - | 20.000.000.000 |
| | | | 166.062.000.000 | 162.700.000.000 |

- a. Các khoản vay này được đảm bảo bởi ông Shen Shang Pang, Chủ tịch.
- b. Các khoản vay này không được đảm bảo.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

16. Thay đổi vốn chủ sở hữu

| | Vốn cổ phần VND | Cổ phiếu quỹ VND | Quỹ đầu tư phát triển VND | Lợi nhuận chưa phân phối VND | Tổng cộng VND |
|----------------------------------------------------------------|--------------------------------|---------------------------------|------------------------------------------|---------------------------------------------|--------------------------|
| Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 | 279.013.770.637 | (272.840.000) | 21.553.609.319 | 21.561.619.678 | 321.856.159.634 |
| Phân bổ vào quỹ thuộc vốn chủ sở hữu | - | - | 6.810.506.848 | (6.810.506.848) | - |
| Phân bổ chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát | - | - | - | (1.157.786.164) | (1.157.786.164) |
| Cổ tức (Thuyết minh 18) | - | - | - | (10.392.915.943) | (10.392.915.943) |
| Lợi nhuận thuần trong kỳ | - | - | - | 17.226.250.450 | 17.226.250.450 |
| Số dư tại ngày 1 tháng 7 năm 2015 | 279.013.770.637 | (272.840.000) | 28.364.116.167 | 20.426.661.173 | 327.531.707.977 |
| Lợi nhuận thuần trong kỳ | - | - | - | 27.481.404.106 | 27.481.404.106 |
| Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 | 279.013.770.637 | (272.840.000) | 28.364.116.167 | 47.908.065.279 | 355.013.112.083 |
| Phân bổ vào quỹ thuộc vốn chủ sở hữu | - | - | 9.374.908.357 | (9.374.908.357) | - |
| Phân bổ chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát | - | - | - | (1.593.734.420) | (1.593.734.420) |
| Lợi nhuận thuần trong kỳ | - | - | - | 31.105.692.970 | 31.105.692.970 |
| Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 | 279.013.770.637 | (272.840.000) | 37.739.024.524 | 68.045.115.472 | 384.525.070.633 |

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

| | 30/6/2016 | | 1/1/2016 | |
|------------------------------------|----------------------|-----------------|----------------------|-----------------|
| | Số lượng cổ phiếu | VND | Số lượng cổ phiếu | VND |
| Vốn cổ phần được duyệt | 27.901.377 | 279.013.770.637 | 27.901.377 | 279.013.770.637 |
| Vốn cổ phần đã phát hành | | | | |
| Cổ phiếu phổ thông | 27.901.377 | 279.013.770.637 | 27.901.377 | 279.013.770.637 |
| Cổ phiếu quỹ | | | | |
| Cổ phiếu phổ thông | (9.363) | (272.840.000) | (9.363) | (272.840.000) |
| Cổ phiếu hiện đang lưu hành | | | | |
| Cổ phiếu phổ thông | 27.892.014 | 278.740.930.637 | 27.892.014 | 278.740.930.637 |

Toàn bộ cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu tương đương với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức được công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông có quyền ngang nhau khi hưởng phần tài sản thuần còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

18. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 14 tháng 4 năm 2016, Đại hội đồng cổ đông của Trụ sở chính đã quyết định phân phối khoản cổ tức 27.892.014.000 VND bằng cách phát hành 2.789.201 cổ phiếu với mệnh giá 10.000 VND trên mỗi cổ phiếu (2015: cổ tức trả bằng tiền 27.892 triệu VND (1.000 VND trên một cổ phiếu)). Khoản cổ tức bằng cổ phiếu này chưa được ghi nhận trong báo cáo tài chính do tại thời điểm cuối kỳ cổ phiếu vẫn chưa được phát hành cho các cổ đông.

19. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích từ lợi nhuận chưa phân phối theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập cho mục đích mở rộng hoạt động kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

| | 30/6/2016 | 1/1/2016 |
|----------------------------|------------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Trong vòng một năm | 3.711.150.401 | 3.768.296.931 |
| Trong vòng hai đến năm năm | 14.704.871.604 | 18.249.809.655 |
| Sau năm năm | 71.484.630.290 | 69.066.313.192 |
| | 89.900.652.295 | 91.084.419.778 |

Chi phí thuê hàng năm của Trụ sở chính bao gồm 2 khoản thuê:

- Tiền thuê đất tại tỉnh Đồng Nai có chi phí thuê hàng năm tối thiểu bao gồm thuế giá trị gia tăng là 109.798 USD và phí thuê cơ sở vật chất hàng năm là 25.885 USD trong vòng 50 năm kể từ ngày 7 tháng 9 năm 1992. Tiền thuê đất sẽ tăng tối đa 15% sau mỗi 5 năm.
- Phí thuê văn phòng một năm tại Thành phố Hồ Chí Minh là 680 triệu trong vòng 6 năm kể từ ngày 6 tháng 1 năm 2015.

(b) Ngoại tệ

| | 30/6/2016 | | 1/1/2016 | |
|-----|------------------|-----------------|-----------------|-----------------|
| | Nguyên tệ | Tương đương VND | Nguyên tệ | Tương đương VND |
| USD | 451.841 | 10.062.534.372 | 112.134 | 2.517.391.165 |
| | | | | |

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

| | Từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND | Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 VND |
|--------------------------------|----------------------------------------------|----------------------------------------------|
| Doanh thu từ thành phẩm đã bán | 484.130.641.766 | 468.748.005.566 |
| Doanh thu từ hàng hoá đã bán | 288.104.044 | 352.087.180 |
| Doanh thu thuần | 484.418.745.810 | 469.100.092.746 |

22. Giá vốn hàng bán

| | Từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND | Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 VND |
|----------------------------------|----------------------------------------------|----------------------------------------------|
| Tổng giá vốn hàng bán | | |
| ▪ Thành phẩm đã bán | 430.081.520.753 | 427.765.506.459 |
| ▪ Hàng hoá đã bán | 213.255.612 | 268.845.902 |
| ▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | (446.233.898) | (159.956.779) |
| Tổng giá vốn hàng bán | 429.848.542.467 | 427.874.395.582 |

23. Doanh thu hoạt động tài chính

| | Từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND | Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 VND |
|---------------------------------------|----------------------------------------------|----------------------------------------------|
| Lãi tiền gửi | 3.183.120.304 | 2.877.717.329 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái | 2.572.474.592 | 1.158.892.660 |
| Lãi thu từ hoạt động tài chính | 5.755.594.896 | 4.036.609.989 |

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Chi phí tài chính

| | Từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND | Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 VND |
|--------------------------------|----------------------------------------------|----------------------------------------------|
| Chi phí lãi vay | 2.494.669.697 | 1.735.730.301 |
| Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái | 1.483.884.971 | 6.114.142.173 |
| | 3.978.554.668 | 7.849.872.474 |

25. Thu nhập khác

| | Từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND | Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 VND |
|------------------------------------------|----------------------------------------------|----------------------------------------------|
| Lãi từ thanh lý tài sản cố định hữu hình | 15.500.000 | - |
| Thu nhập khác | 700.864 | 358.130 |
| | 16.200.864 | 358.130 |

26. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

| | Từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND | Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 VND |
|------------------------------------------------|----------------------------------------------|----------------------------------------------|
| Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất | 390.094.038.523 | 415.896.391.248 |
| Chi phí nhân công | 20.601.038.033 | 17.800.478.927 |
| Chi phí khấu hao | 6.723.770.500 | 6.884.251.100 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 14.568.393.008 | 12.960.602.331 |
| Chi phí khác | 9.437.008.305 | 7.909.179.044 |

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

27. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

| | Từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND | Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 VND |
|------------------------------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------|
| Chi phí thuế hiện hành | | |
| Kỳ hiện hành | 6.260.753.829 | 3.338.091.710 |
| Chi phí thuế thu nhập hoãn lại | | |
| Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời | 260.141.212 | 427.792.715 |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp | 6.520.895.041 | 3.765.884.425 |

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

| | Từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND | Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 VND |
|-------------------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------|
| Lợi nhuận kế toán trước thuế | 37.626.588.011 | 20.992.134.875 |
| Thuế tính theo thuế suất của Trụ sở chính | 5.643.988.202 | 3.148.820.231 |
| Chi phí không được khấu trừ thuế | 475.915.712 | 326.775.672 |
| Ảnh hưởng của thuế suất khác | 400.991.127 | 290.288.522 |
| | 6.520.895.041 | 3.765.884.425 |

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy phép đầu tư, Trụ sở chính có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 15% trên lợi nhuận chịu thuế.

Ngày 6 tháng 9 năm 2007, Công ty có được Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh để tăng vốn pháp định. Theo các quy định thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) hiện hành, các hoạt động kinh doanh mở rộng sẽ được phân loại là mở rộng đầu tư và thu nhập phát sinh từ mở rộng đầu tư này sẽ chịu thuế suất TNDN phổ thông là 20%. Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20% (2015: 22%).

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Trong kỳ có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

| | Giá trị giao dịch | | Số dư tại ngày | |
|------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------|------------------|-------------------|
| | Từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND | Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 VND | 30/6/2016 VND | 31/12/2015 VND |
| Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd – công ty mẹ | | | | |
| Mua nguyên vật liệu | 305.535.760.067 | 322.005.508.094 | 93.576.188.210 | 122.063.095.716 |
| Phí bản quyền | 632.139.409 | 635.927.845 | 106.961.358 | 112.225.869 |
| Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Chi nhánh Hải Dương | | | | |
| Bán dây và cáp điện | 564.828.250 | 5.836.160.357 | 559.179.967 | - |
| Vốn kinh doanh cấp cho chi nhánh | - | - | 122.801.647.437 | 122.801.647.437 |

Theo hợp đồng về bản quyền sử dụng nhãn hiệu giữa Trụ sở chính và Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd (công ty mẹ), Trụ sở chính có quyền sử dụng nhãn hiệu thuộc quyền sở hữu của Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd. Bù lại, Trụ sở chính sẽ trả phí bản quyền bằng 0,1% trên doanh thu thuần bán dây điện từ.

29. Số liệu so sánh

Một số số liệu so sánh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 đã được phân loại lại cho phù hợp với quy định về trình bày báo cáo tài chính của kỳ hiện tại. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong kỳ trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

| | Từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND (phân loại lại) | Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 VND (theo báo cáo trước đây) |
|----------------------------------------|--------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 469.100.092.746 | 465.510.515.746 |
| Thu nhập khác | 358.130 | 3.589.935.130 |

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

30. Sự kiện sau ngày trên bảng cân đối kế toán

Ngày 13 tháng 7 năm 2016, Trụ sở chính đã phát hành thành công 2.788.568 cổ phiếu với mệnh giá 10.000 VND trên mỗi cổ phiếu cho 2.404 cổ đông hiện hữu.

Ngày 10 tháng 8 năm 2016

Người lập:



Sung Hsiang Lin
Kế toán trưởng



T U N